

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36** /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 4 – 2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái;

2. Ông Võ Thanh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký TAND khu vực 15 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Phúc H, sinh ngày: 01/6/1987, căn cước công dân số: 079187030514, địa chỉ: 1 Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh ngày: 06/11/1982, căn cước công dân số: 060082002230, địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025, và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hồ Thị Phúc H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Tiến D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, tổ chức lễ cưới và bắt đầu sống chung với nhau từ năm 2013, tuy nhiên đến năm 2017 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2017, ngày 14/4/2017. Bà H và ông D có 02 người con chung là cháu Hồ Gia B, sinh ngày: 06/5/2014, cháu Nguyễn Hồ Bảo T, sinh ngày: 07/10/2017.

Khi bắt đầu sống chung, bà H và ông D cư trú tại nhà cha, mẹ ông D tại thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2022, bà H cùng cháu B và cháu T chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ của bà H tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông D vẫn sống tại thôn H, xã T. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về mọi mặt của cuộc sống. Ông D không chịu khó làm ăn, còn chơi cờ bạc, quậy phá gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, mỗi lần đi là khoảng 3 đến 4 tháng mới trở về nhà. Ông D đã không làm tròn bổn phận, trách nhiệm của người chồng, người cha, cả hai gần như không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề.

Nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phúc H ly hôn với ông Nguyễn Tiến D; về con chung: Giao cháu Hồ Gia B, sinh ngày: 06/5/2014, cháu Nguyễn Hồ Bảo T, sinh ngày: 07/10/2017 cho bà Hồ Thị Phúc H trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về việc giấy khai sinh của cháu Hồ Gia B không có tên cha, vì thời điểm bà H làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu thì bà H và ông D chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu B không có tên cha. Bà H khẳng định cháu B là con chung của bà và ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông D xác định về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như lời trình bày của bà H. Sau khi kết hôn, ông và bà H sống chung với nhau tại nhà cha, mẹ ông D tại thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Đến đầu năm 2022, vợ chồng ông được cha mẹ ông

cho đất và xây nhà để ra riêng sinh nhưng vẫn sống tại thôn H, xã T. Khoảng 03 đến 04 tháng sau thì vợ chồng ông chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và làm việc. Khoảng tháng 7/2025, ông D chuyển về xã T để đi làm nghề biển, vì vậy mà vợ chồng ông không sống chung với nhau từ thời điểm đó cho đến nay.

Trong quá trình sống chung, ông D và bà H không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, thời gian gần đây có mâu thuẫn nhỏ, chủ yếu là xuất phát từ gia đình của bà H và vì vấn đề kinh tế, vì sau thời điểm dịch Covid – 19 thì ông D và bà H gặp nhiều khó khăn trong việc làm ăn nên kinh tế có phần khó khăn. Trước đây, khoảng năm 2019, ông D có phạm tội tổ chức đánh bạc và bị xử phạt tù 01 năm tù. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông D không đồng ý, vì bản thân ông còn tình cảm với bà H, ông muốn gia đình đoàn tụ, con cái được sống cùng với cha mẹ. Về con chung thì ông D yêu cầu mỗi người nuôi một con chung, vì bà H không đủ khả năng nuôi 02 con chung.

Về việc giấy khai sinh của cháu Hồ Gia B không có tên cha, là do thời điểm làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu thì ông và bà H chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu B không có tên cha. Ông D khẳng định cháu B là con chung giữa ông và bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn. Trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, nhận thấy việc giao cháu B và cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Hồ Thị Phúc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tiến D, giao cháu Hồ Gia B, sinh ngày: 06/5/2014, cháu Nguyễn Hồ Bảo T, sinh ngày: 07/10/2017 cho bà Hồ Thị Phúc H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Tiến D có nơi cư trú tại thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt ông Nguyễn Tiến D, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Bà H trình bày bà và ông D phát sinh mâu thuẫn về mọi mặt trong cuộc sống, ông D không chịu khó làm ăn, lại còn đánh bạc, quậy phá gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, mỗi lần bỏ đi là khoảng 3 đến 4 tháng mới trở về nhà. Ông D đã không làm tròn bổn phận, trách nhiệm của người chồng, người cha, cả hai gần như không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Ông D cũng thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, chủ yếu là xuất phát từ gia đình của bà H và vì vấn đề kinh tế, sau thời điểm dịch C – 19, điều kiện kinh tế của hai vợ, chồng gặp nhiều khó khăn do việc làm không thuận lợi, vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 7/2025 đến nay. Theo kết quả xác minh do Tòa án thực hiện thể hiện bà H và ông D đúng là không còn sống chung với nhau.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm*

ng nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: **vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng**”. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giấy khai sinh của cháu Hồ Gia B không có tên cha, bà H và ông D đều thừa nhận, thời điểm làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu B thì bà H và ông D chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu B không có tên cha. Do vậy, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Bà H đề nghị giao cháu Hồ Gia B và cháu Nguyễn Hồ Bảo T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, còn ông D yêu cầu mỗi người nuôi 01 con chung, vì bà H không đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu B và cháu T có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Từ thời điểm bà H và ông D sống ly thân cho đến nay, cháu B và cháu T sinh sống và học tập ổn định cùng với bà H tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, thời gian cháu B và cháu T sống cùng bà H thì bà H vẫn đảm bảo việc trông nom, chăm sóc cháu B và cháu T đầy đủ. Trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con chung, điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Hồ Gia B và cháu Nguyễn Hồ Bảo T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

[7] Bà Hồ Thị Phúc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 3 Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Phúc H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phúc H ly hôn với ông Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Gia B, sinh ngày: 06/5/2014, cháu Nguyễn Hồ Bảo T, sinh ngày: 07/10/2017 cho bà Hồ Thị Phúc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tiến D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Bà Hồ Thị Phúc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu số 0007852, ngày 07/11/2025.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Phú